

## Củ Sắn

Một cảm giác nóng bỏng dưới lòng bàn chân nào đó làm chân tôi phản xạ giật mạnh. Tôi như mơ màng; thoang thoáng có tiếng la văng vẳng “hẩn tỉnh rồi! hẳn tỉnh lại rồi!”.

Tôi hé mắt, toàn thân ê ẩm đau, cứng đờ như bị đóng băng; cố đưa tay lên, nhưng hai cánh tay không thuộc về tôi nữa, Cả người tôi như Tề Thiên bị đè bẹp dưới Ngũ Hành Sơn; đầu óc mơ màng, lơ lửng. Lại có mùi phân heo phảng phất.

Dưới ánh sáng vàng lờ mờ của ngọn đèn dầu trên rường nhà, một đống bọt bầy nhầy ở miệng tôi, mũi tôi, tanh như mùi sét rĩ cứ phì phì tuôn ra, chảy xuống má rồi thành vũng trên sạp tre, đỏ bầm. Ngộ thờ làm bản năng sinh tồn bị kích thích, hai lá phổi cứ hít cái đống bọt đó vào rồi lại phì bong bóng tanh tưởi ra!

Có bàn tay thật ấm của ai đó, liên tục chà xát lên ngực, rồi vỗ bình bịch lên lưng tôi. Rồi cảm giác nóng bừng dưới hai chân lại đến làm cho tôi từ trạng thái mơ màng đến tỉnh hẳn. Dưới ngọn đèn dầu, anh Trần Liên-“Tây Lai” đang chồm hóm ngời hơ cái lò than bằng lon Guigoz vào dưới hai lòng bàn chân tôi, đôi mắt Tây lai của anh tròn xoe nhìn vào mắt tôi và liên hồi: “Ráng lên Tiến! ráng lên Tiến! Mi sống rồi! Mi sống lại rồi đó!”.

Bên cạnh, Anh Phạm Phước-“Phước Bao Tử” (đau bao tử kinh niên) cũng đang hơ hai tay vào lửa, vừa chà xát liên hồi lên ngực tôi vừa la lên mừng rỡ “hẩn tỉnh rồi, hẳn tỉnh lại rồi!”.

- “Vệ binh biểu tụi tau ra ngoài chuồng heo khiêng mi về đó! Tưởng mi đã chết cứng rồi chứ!” Anh Trần Liên nói.

Bây giờ thì tôi mới thấy cái đau khủng khiếp, cái đau khắp nơi tự nhiên đổ ập xuống người, rã rượi ê ẩm, cóng lạnh cả toàn thân. Tôi vẫn không cử động gì được ngoài việc ráng nhấp nháy mấy ngón tay, ngón chân.

Nếu không có cái quần xà lỏn, thì tôi trần truồng như nhộng, bê bết phân heo trên cái sạp tre, giữa mùa Đông và mưa phùn rừng núi...

Trại #2 Trại tập trung Tù Binh Hiệp Đức, Quảng Nam. Khoảng chừng vào tháng 10 hay tháng 11 năm 1977.

.....

## **Trại 2 Trại Tập Trung Tù Binh Hiệp Đức**

Đầu tháng 5 năm 1975, Sau khi trốn khỏi trại tập trung trong rừng cao su ở Cầu Khởi, Tây Ninh, Tôi quá giang xe đò về Sài Gòn.

Về đến Sài Gòn thì đúng là *“Tôi đi không thấy phố thấy phường, mà chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ”* (Trần Dần).

Tá túc ở nhà một thằng bạn học thời trung học được vài ngày, bạn bè cùng khóa 28 VB khuyên tôi ra trình diện với “chính phủ cách mạng lâm thời” để có tấm giấy đi lại, chứ “hòa bình rồi” không lẽ cứ trốn chui trốn nhủi hoài!

Thơ ngây như các bạn mình, tôi ra trình diện ở quận 3, trụ sở để làm nơi trình diện là căn nhà bị tịch thu của Trung Tướng Phạm Quốc Thuần.

Có được tờ giấy, tôi lại băng khuâng, không biết cha mẹ, anh em ở Huế bây giờ như thế nào? Được bạn bè chuôi cho ít tiền, tôi nhảy xe về lại Huế.

Trên đường đi, tấm giấy này giúp tôi vượt qua nhiều trạm kiểm soát, nhưng khi về đến Hòa Cầm, Đà Nẵng, thì tôi bị chặn lại và miếng giấy bị thu đi. Sau đó họ đưa tôi vào trại Hòa Cầm (Trung tâm Huấn Luyện Hòa Cầm củ).

Nơi đây đã hội đủ “tù tàn binh” thuộc các đơn vị và binh chủng, bộ binh, Dù, TQLC, và Không quân...đủ mọi cấp bậc từ đại tá trở xuống, nhưng tất cả nay đều như nhau, chen chúc trong các trại lính xưa, ồn ào, náo nhiệt. Người thì chơi volley, kẻ thì đánh cờ tướng, sáng tập thể dục, tối vỗ tay hát các bài nhạc đỏ “cách mạng”; cơm lãnh ngày hai bữa, rất thanh bình.

Nhờ các dãy trại được sắp xếp theo cấp bậc cho nên ở nơi đây, tôi “may mắn” gặp được Nguyễn Hy và Lý Đình Quy, cùng K28. Hai anh chàng này cũng bị “tố” ở trạm Hòa Cầm như tôi.

Đang thành thói sống tận hưởng không khí hòa bình trong tàn cuộc thì...

Vào khoảng tháng 9 năm 1975, “Một buổi sáng đầy sương Thu và gió lạnh”, keng đánh thức vang lên rất sớm hơn mọi ngày. Chúng tôi được lệnh thu xếp áo quần và đồ cá nhân, rồi sắp hàng xuống nhà bếp lãnh hai phần cơm cho “tiêu chuẩn ăn” luôn cả ngày. Mọi người bàn tán xôn xao sắp chuyển trại, nhưng không biết mình sẽ đi đâu.

Cơm nước lãnh xong, thì lại xếp hàng “đăng ký tài sản”, ai có tiền bạc, đồng hồ, vòng vàng, nhẫn bạc hay thứ gì giá trị thì bỏ ra để cách mạng lưu giữ dùm cho nhẹ gánh mà lên đường.

Một anh bộ đội ngồi làm sổ sách, ghi tên chủ nhân và món đồ rất đàng hoàng minh bạch, trong khi anh bộ đội khác thì ném ào ào các “tang vật” vào một cái bao cát trên bàn bất kể thứ tự.

Cái loa trên cột cờ nhắc đi nhắc lại “anh nào có tiền bạc hay đồ vật giá trị thì phải đăng ký giao nộp, sau này học tập tốt, nhà nước sẽ hoàn trả lại”.

Ồ! Có chuyện như vậy là anh em yên tâm lắm rồi!

Hàng chục chiếc vận tải, Molotova và GMC bịt bùng tươm tất, đã chờ sẵn ngoài trại từ khuya.

Chạy được hơn một tiếng thì xe bắt đầu lắc lư, đồng lên đồng xuống trong suốt hành trình còn lại. Bụi vàng bụi đỏ mù mịt tuồn vào trong xe; lại có tiếng ọe mưa của ai đó; Hai anh chàng bộ đội cầm AK ngồi bên ngoài chắc cũng chẳng khá gì hơn. Xe chạy không nghĩ và không ai buồn nghĩ đến chuyện ăn cơm trưa!

Xe băng qua đèo, lội qua suối cạn, đến xế chiều thì dừng lại, có lẽ là đã đến cuối con đường mòn.

Xuống xe, đảo mắt nhìn quanh, ngoài đám cỏ tranh cao bằng đầu gối mà chúng tôi đang đứng, thì còn lại là cây rừng chẳng chịt, và núi thẳm bao la vây quanh.

Chúng tôi lại sắp hàng thành khối, ngồi xuống cơm nước, rồi được phân phát mỗi người một chiếc võng bộ đội màu xanh lục. Cứ 10 người thì có một người làm “tổ trưởng” và nhận một cái dao Tông (loại dao to bản, cán và lưỡi liền nhau chung khối sắt, có mũi bằng ngang, dày và nặng).

Rồi cả đám được lệnh tiến về bìa rừng với sự yểm trợ của dàn AK sau lưng, thay phiên nhau dùng dao tông chặt bớt cành cây cho thoáng để có chỗ cột võng.

“Nằm dưới đất thì ban đêm rắn rết nó bò vào” một anh bộ đội giải thích. Rất cảm ơn anh đã lo cho bọn tù chúng tôi.

“Phát quang” xong thì dao tông được bó lại thành một bó rồi giao nộp lại.

Suốt đêm đong đưa trên võng, cả đám hơn 100 người không một ai nằm mơ thấy nàng tiên sơn cước trong những câu chuyện đường rừng, mà chỉ thấy muỗi và lũ bù mắt vo ve, hàng đàn chào đón, pha lẫn những tiếng vỗ đờm đập trong đêm.

Và rồi đêm đầu tiên cũng qua đi, Cả bọn chúng tôi lại bị dẫn theo đường mòn quanh co lên xuống, chả biết họ đưa mình đi đâu.

Cước bộ chùng hai tiếng đồng hồ thì đến một lán nhà chùng bốn năm cái, nằm trên một khoảng đất hình như đã được san bằng qua loa vội vã. Nói là nhà vì đó là bốn năm cái mái tranh, nhưng bên dưới mái tranh thì trống rỗng, chỉ có cột mà không có phên che quanh.

Cái đám gồm mấy chục “quan chức” chuẩn úy, thiếu úy chúng tôi bắt đầu nhận cuộc xẻng, đào đất chỗ này, đắp chỗ kia làm “mặt bằng”, một vài anh có tài nấu ăn được “thăng chức” “anh nuôi” để lo cho cái dạ dày của cả bọn. Đêm thì treo võng trên cột đu đưa.

Xế chiều lại hôm sau thì lại một đoàn “tù tàn binh” khác lục tục đến nhập bọn. Và tiến trình được lập lại như vậy kéo dài trong vòng một tháng, nâng tổng số tù nhân lên khoảng 500 người, chia làm 10 khối, mỗi khối 2 nhà, mỗi nhà chùng 25 người. Người đi trước đốn cây, phát quang, làm nhà ở cho người sau.

Tôi nằm trong nhà 1, khối 1, thuộc trại 2, tổng trại 1 Hiệp Đức.

*(Sau này khi các trại tập trung lại để chính trị viên trại “giảng dạy” 10 bài chính trị, thì mới biết nhóm cấp bậc trung úy đi “xây dựng” trại 1. Còn Đại Úy trở lên thì bị đưa về Trại Kỳ Sơn, khu mỏ vàng Bồng Miêu xưa. Tổng Trại 1 gồm tất cả 5 trại. cả mấy ngàn con người bại trận ở Trại Hòa Cầm đều bị đưa lên rừng sâu núi thẳm Hiệp Đức, Kỳ Sơn và An Điền)*

Và ngày, tháng, rồi năm trôi dần qua, mà ngày về thì “xa quá người ơi!”

Chúng tôi san bằng cả cái thung lũng, đốn cây, chặt tre, rút dây mây, dựng cột, làm kèo, rui, mèn, chẻ lạt, cắt tranh lợp nhà, xây dựng nhà ở, hội trường; vỡ ruộng phèn, gieo mạ, trồng lúa, phát cây rừng làm rẫy trồng sắn, đốt cây lấy tro làm phân bón. Đào giếng, lóng phèn, để lấy nước để ăn uống tắm giặt ... Làm các chuồng nuôi heo, nuôi trâu bò để phục vụ cho bên thắng trận.

Và điều quan trọng là làm một hàng rào cây cao và dày đặc vây quanh hai dãy nhà, mỗi dãy 10 cái nhà tù với 4 cái chòi gác bốn góc và một chòi gác về hướng Bắc, ngay cửa ra vào trại.

Về phần xây dựng trang trại, Thuở ban đầu, chúng tôi nhiều lần phải thức dậy từ khuya, bị dẫn giải đi bộ hàng chục cây số, băng rừng vượt suối dưới mưa lạnh cóng, qua tận những cái chiến khu gì đó ở bên Lào, tháo gỡ các cột kèo gỗ tốt, vác gỗ, kiêng tranh khô về và rồi lại thay nhau nhiều chuyến đi để kiêng gạo mục trong các kho lương thực chiến lược đồ sộ.

Hàng chục tấn gạo và sắn khô ở các chiến khu, được đoàn kiến tù binh tha về chất đầy kho. Vì là bắt đầu vào mùa Đông, chưa cày cấy trồng trọt gì được; cho nên chúng tôi phải ăn gạo mục, sắn mốc; loại gạo có mùi ẩm mốc, mỗi mọt bò lênh nhễnh, và nhẹ tênh, rỗng ruột, nhưng còn nguyên vỏ, khi đem vo dưới suối thì nổi lên và trôi đi gần hết!

*(Bất cứ ai đã đến cái bộ chỉ huy của chiến khu này, thì đều bị shock và có cái cảm nhận “mình bị thua là phải”. Cả một khu nhà ở, nhà kho đồ sộ, trú ẩn dưới các tàng cây cao hàng trăm tuổi, rậm rạp không bóng mặt trời, hầu như không thể nào được nhìn thấy từ trên không, và cũng không biết có bao nhiêu cái khu nhà như vậy ở bên kia biên giới Lào-Việt!)*

Trải qua mùa Đông đầu tiên cho đến Xuân-Hè năm 76, không ai mà không đã từng trải qua cái cái đói kinh khủng, lại kèm theo bệnh phù thủng, kiết lỵ và sốt rét. Một số anh em đã không đỡ nổi “chiêu” đầu tiên này, và đã ra đi ...

Riêng cái bệnh phù thủng thì rất dễ biết lắm. Hể cứ buổi sáng thức dậy mà thấy mình tự nhiên mập hẳn ra thì đừng có mừng vội; vì kèm theo đó là cảm giác mệt mỏi, mặt mày nặng nề, hai chân phồng cứng lên như chân voi, bấm tay vào cổ chân mà thấy nó lún sâu vào và không đàn hồi trở lại như bấm tay vào bột mì, thì bạn đã dính chấu phù thủng rồi đó. Cái bệnh này làm bí tiểu, và sẽ dẫn đến suy thận rồi đi đong như anh bạn thiếu úy không quân Nguyễn Trần Được, “giặc lái” A37.

Phần tôi, cũng không tránh khỏi năm lần bảy lượt bị ba cái bệnh đó thay phiên nhau dợt lui dợt tới. Không đi tiểu được thì tôi chạy tại chỗ, dợt mấy đường Yoko, shuto, teiken cho đến khi chảy mồ hôi. Kinh hoàng hơn nữa là kiết lỵ. Nhưng đó là chuyện khác, kể lể lung tung tôi bị lạc đề rồi!

Trại 2 “tù tàn binh” Hiệp Đức, thuộc Tổng Trại 1; Quảng Nam đã được thành lập đại khái là như vậy đó.

Chính xác như lời phán xét vàng ngọc của quan cấp trên Chỉ Huy Tổng Trại trong ngày khai mạc lớp học 10 bài chính trị. Để tẩy não xóa bỏ tội lỗi cho mọi người, ông phán:

“Cách mạng đã khoan hồng tha tội chết cho các anh, cũng không có giam cầm các anh, đem các anh lên đây để các anh có môi trường học tập cải tạo, các anh được tự do học tập, tự do làm nhà ở, tự do lao động để làm ra sản phẩm lúa gạo để tự nuôi các anh; Cái hàng rào bao quanh trại là để bảo vệ cho các anh khỏi bị dân chúng ở đây trả thù cho tội ác của các anh...”

Hèn chi bộ đội canh gác thì họ bắt chúng tôi phải gọi là “anh vệ binh”, còn bộ đội coi về “cải tạo tư tưởng” thì phải gọi là “anh quản giáo”.

Mẹ ơi! Cám ơn cách mạng đã lo xa! Sao ông ta không phán thẳng thừng ra là các anh làm hàng rào để tự giam các anh!

Ở đây từ năm 1975 đến 1978, cho đến khi bị chuyển đi trại Kỳ Sơn ở Bồng Miêu, tôi cũng đã thuộc lòng cái vùng rừng núi hẻo lánh quanh đây khi đóng vai tiểu phụ, đốn củi, rút mây, đốn cây, xẻ gỗ, đốt than..., tôi chưa hề nhìn thấy bóng dáng một người dân nào, cho dù họ cố vào đây để tìm chúng tôi trả thù!

Nguyễn Hy và Lý Đình Quy thì đã được “biên chế” về trại 5. Không hiểu hai anh chàng đó thông minh cỡ nào; học tập tốt cỡ nào mà lại được cách mạng khoan hồng phóng thích về năm 77-78 gì đó.

Còn tôi thì mài cuốc xẻng đã 3 năm, tay chân chai đá, mà vẫn chưa “đả thông tư tưởng”, rồi lại khăn gói chuyển đi trại 4 Kỳ Sơn vào năm 79, ở chung với các “sư phụ” có cấp úy, cấp tá cao hơn!

### **Tổ Lò Rèn- Tổ đốt than Hầm**

Trong đám “tù tàn binh” ở Trại 2, Tổng Trại 1, Hiệp Đức, thì anh Trương Giỏi người Huế, Thiếu Úy Lô Hổ thuộc Phòng 7 Nha Kỹ Thuật, anh có tay về nghề rèn, theo anh “tự khai” thì anh được gia truyền lại từ các đời trước trong dòng họ.

Vì nhu cầu cần dụng cụ để phát rừng làm rẫy, vỡ đất làm ruộng, (và để trại đem đi bán) anh Giỏi được “phong chức” Tổ trưởng Tổ Lò Rèn để “chế biến phế liệu” thành sản phẩm như dao tông, rựa, cuốc, xẻng, cào, cày, bừa. Anh Giỏi lại đứng ra “tuyển chọn công nhân”, gồm: Nguyễn Khương, gốc Huế, Nguyễn Công Thế, gốc Bắc 54, cả hai cũng đều là Thiếu Úy Lô Hổ thuộc Phòng 7 Nha Kỹ Thuật.

Vật liệu sắt thép như lá nhíp, lò xo, khung dàn xe hư, thì đã có “cấp trên” cung cấp theo “đơn đề xuất” của anh Giỏi. Còn nhiên liệu thì cần phải có than Hầm thì lửa mới cho nhiệt độ cao, cháy lâu và lại ít tro.

Không biết từ ngữ “Hầm”, có nghĩa là phải đào hầm để đốt than hay là phải hầm gỗ lâu như hầm xương heo. Nhưng có lẽ nghĩa nào cũng có lý cả. Và như thế là Tổ đốt than Hầm ra đời.

Tôi là tổ viên của Tổ Cưa, công việc đơn giản là dùng cưa cá mập, còn gọi là cưa dút để cắt các cây gỗ thành từng khúc dài 3-4 mét. Các cây gỗ lớn đường kính từ

ba gang tay trở lên hơn một mét thì thường được rã ra thành ván. Nội cái việc khiêng các cây gỗ này cho về đến trại cưa là một giai thoại “đoạn trường tân thanh”. Nhưng đó lại là một câu chuyện khác!

Sau khi cắt cây thành khúc, dài ngắn tùy theo yêu cầu, chúng tôi dùng chỉ than và con dọi để búng đường chỉ vào thân cây và hai đầu. Sau đó dựng gỗ lên dàn cưa, xéo góc chừng 45 độ. Tùy theo yêu cầu, chỉ tiêu mà xẻ thành ván 1 phân, 2 phân, 5 phân ...

Tổ cưa chúng tôi gồm có thiếu úy Hoàng Phước, Sĩ quan Quân Báo Sư Đoàn 2, đồng lứa tuổi, nhưng luôn chừng chạc như ông cụ, Thiếu Úy Khiêm Không quân A37 cao lồng nhồng, anh chàng Thiếu úy Trần Đức Đạo, TQLC đẹp trai vui tính, cậu Ngô Trọng Phục thì hiền như con gái. Lê Trịnh Thanh, ..Trung .. (lại đi lạc đề nữa rồi!).

Theo yêu cầu của anh Giới thợ rèn, tôi không cũng nhớ rõ là mình và vài anh bạn nữa bị “xung” qua Tổ Than Hầm từ lúc nào. Chắc cũng tại bọn này “rành” về cây gỗ và đi rừng.

Tổ Rèn và tổ than, tổ chăn nuôi, tổ y (tế)... Về công việc thì chắc chắn là dễ thở hơn phần lớn anh em khác đi làm theo nhà, theo đội để làm ruộng, làm rẫy, trồng khoai, trồng sắn, cấy lúa ...vì họ phải “lao động”, “giải lao”, cơm nước nhịp nhàng theo tiếng kèn với một đám vệ binh và AK yểm trợ hậu vệ đằng sau. Tổ than Hầm chúng tôi thuộc về “những bộ phận sản xuất có khoa học kỹ thuật” của trại cho nên dễ thở hơn.

Tổ than Hầm lại chia làm hai “bộ phận”, bộ phận đi củi và bộ phận đốt than. Tôi nằm trong bộ phận đi củi.

Hằng ngày, bọn tôi năm người, cùng với một cảnh vệ đi vào rừng; sau đó chia nhau thành hai toán, mỗi toán hai người đi tìm cây gỗ cứng để đốn, rồi chặt khúc ra vác về nơi tập trung, chất thành khối để đo cho đủ chỉ tiêu; người còn lại đóng vai “anh nuôi” lo đi “cải thiện”, hái thêm rau rừng, mò thêm mớ ốc dưới suối để “bồi dưỡng” thêm cho cả bọn. Bốn người kia phải làm thêm cho đủ chỉ tiêu năm người.



Còn anh chàng cảnh vệ, mới đầu thì còn đi theo chúng tôi, về sau thì chẳng biết phải đi theo canh giữ ai, cho nên cứ lảng vảng ngoài bìa rừng, nơi điểm tập trung vào buổi chiều.

Trong khi cái bó cỏ “3 năm cải tạo” cứ nhử mồi treo trước đầu ngựa, thì cái ý tưởng “trốn” chưa mọc mầm. Vả lại chúng tôi có muốn trốn cũng khó thoát khỏi cái cái vòng chốt ở trên núi chung quanh.

Tưởng cũng nói thêm một chút là hằng ngày, trước khi vào rừng thì chúng tôi ghé ngang nhà bếp để lãnh gạo và sắn khô. Tất cả đều cho vào một thùng đựng đạ đại liên rồi “anh nuôi” xách đi. Tiêu chuẩn gạo cho một lao động nặng như chúng tôi luôn cả ngày là một nấp ...bi đông gạo đầy và một ca US sắn khô. Cho nên cái việc tự chế thêm cái chức anh nuôi để “cải thiện, bồi dưỡng” thì đã được sự thông cảm của anh chàng cảnh vệ, miễn sao “đủ chỉ tiêu, đạt năng suất thì thôi”.

Mà phải cần loại gỗ cứng, thân chắc thịt, thì than Hầm mới thật tốt. Theo kinh nghiệm thì cây nào có lá càng nhỏ thì thịt càng chắc, càng cứng. Mà tìm cho ra cây tốt “đúng tiêu chuẩn” thì phải bưng bãi trong rừng dây leo chằng chịt. mỗi ngày mỗi đi sâu hơn vào trong rừng. Rừng rậm thì đủ loại côn trùng hút máu, muỗi, mòng, ve, vắt. Để trừng trị bọn ký sinh trùng này, chúng tôi thoa nước thuốc lào hoặc muối vào chân trước khi vào rừng, nhưng thỉnh thoảng vẫn bị dính chấu một vài con vắt lá rúc vào người; có lần anh chàng thiếu úy Luân bị con vắt chui rúc vào đường tiểu, kêu la bài bãi, khi lôi nó ra được thì máu dầm dề!. Luân đưa con vắt lên miệng, vừa cắn vừa chửi thề “ĐM mày, mày cắn tau thì tau cắn mày!”.

Còn bị con ve cắn thì khỏi nói, khi chưa cắn ai thì nó bò nhanh như con nhện nhỏ màu vàng; khi đã no cứng rồi thì nó tròn như hột đậu phộng đen tím, đeo lưng lẳng trên da. Khi bị rút ra thì nó chừa lại cái đầu cắm sâu dưới da, ngứa không tả, lở lói kéo dài hằng tháng, hằng năm!

Tìm được cây thì hạ xuống, thân và cành lớn nhỏ chặt thành khúc dài chừng một mét đến mét rưỡi cho dễ sắp vào lò. Bó chặt lại rồi vác về chỗ tập trung.

Khi số gỗ củi đã đủ để chất đầy một hầm lò, thì cả bọn khiên vác về chất vào lò đốt. “Những ai đó”, chắc là toán nào trước đó đã đào sẵn một lò đốt, đó là một cái hố hình tròn sâu ngang đầu người, đường kính chừng 3-4 mét, tường dưới đáy

có một cái lỗ để đốt, hình chữ nhật khoảng 2x3 gang tay, được ăn thông qua một cái hố dài hình chữ nhật, có cùng độ sâu. Lửa được thổi từ hố chữ nhật này.

Sau khi chất đầy gỗ, củ vào hầm tròn. Chúng tôi phủ đầy cành lá lên trên, xong rồi đắp đất lên dày khoảng 2 gang tay và nện chặt. Sau đó moi ba lỗ thông hơi trên “nắp” đất. Xong nhiệm vụ thì chúng tôi giao lại cho hai anh trong toán đốt lò và canh lửa củi.

Cứ hơn nửa tháng thì “bốc” lò một lần. (5-6 ngày để đốt, khi thấy hết bốc khói xanh là than đã “chín”. Để nguội chừng 10 ngày mới đào nắp đất ra để bốc than)

Lò thứ hai thì sau này vì yêu cầu của “cấp trên” (có lẽ là chuyên chở bán ra ngoài) thì chúng tôi cứ theo mẫu mã đó mà đào lấy.

Lúc đó vào giữa mùa Đông, mưa phùn gió Bắc, vừa đói vừa lạnh vừa phải làm việc nặng. Các loại rau rừng như rau dớn, rau dèo, lá lốt, đọt mây non..và vài loại đọt non khác cứ khan hiếm dần, suốt thì nước lũ cuộn cuộn, không bắt cá, mò ốc gì được, nhưng lại gần vào mùa thu hoạch sắn.

Được chút tự do không có cảnh vệ bám dính vào rừng, Để “cải thiện”, “anh nuôi” đôi khi băng khỏi rừng, lội ngược ra rẫy sắn; ban đầu thì hái đờ lá sắn non, luộc qua vài nước cho bớt độc. Dần dần thì đến đào lấy củ rồi lấp đất lại, xóa dấu vết.

Khi được ăn no thì lại nghĩ tới bạn bè đi làm theo “nhà”, cũng đi làm như mình, tiêu chuẩn ăn uống cũng đói như mình, nhưng hằng ngày lại bị canh giữ, thúc đẩy, la hét sau lưng. Cho nên cứ đôi bữa thì chúng tôi nhét đầy thùng đạ với sắn luộc, đến tối thì chuyền tay chia lại cho anh em trong nhà. (Ban ngày thì chúng tôi đi làm riêng, nhưng ban đêm thì về lại “nhà” để cùng sinh hoạt, phê bình kiểm điểm, và vỗ tay hát những bài nhạc đỏ).

Ông bà mình có câu “ở hiền gặp lành”, nhưng ngạn ngữ đó không phải lúc nào cũng đúng. Vẫn có người trong nhà, tuy được “bồi dưỡng” thêm sắn, nhưng so ra với cái vé “học tập tốt, cải tạo tốt để về với gia đình” thì cái vé này nặng ký hơn. Cho nên...

Vào khoảng tháng 11, năm 77. Một buổi chiều tà nọ không được đẹp lắm, mưa phùn xám xịt, mịt mù bay, Cả bọn chúng tôi được cảnh vệ dẫn về rồi bàn giao qua

cửa trại. Như thường lệ thì chúng tôi chỉ băng qua cổng trại là vào “chuồng”, một người vác bó búa rìu dao rựa lên giao nộp vào kho dụng cụ, sau đó thì cả bọn về nhà.

Nhưng lần này, cái thằng nhóc con cảnh vệ trên chòi gác cổng chỉ ngay chóc vào tôi:

- “Anh kia đứng lại!”

Tôi – phiên “anh nuôi”, giả vờ ngó quanh làm như hấn gọi ai đó.

- “Anh đó! Cái anh xách thùng đạn đó”

Tôi quay lại, vuốt nước mưa trên mặt:

- Tôi???
- Phải! Có gì trong thùng đạn? mở ra coi!
- Báo cáo anh, củ sắn luộc
- Mấy anh kia về trại đi! Anh đứng lại!

Tôi mở nắp thùng đạn ra, đương nhiên là thùng sắn luộc đầy nhóc!

- Ai cho phép anh nhổ củ mì, nấu?
- Báo cáo anh, không ai cho phép cả, đói quá tôi tự cải thiện đó!
- Anh đứng đó để tôi báo cáo bàn giao cho quản giáo của nhà anh.

Thùng đạn sắn thì ở lại đó, còn tôi thì đi theo “quản giáo nhà tôi” về “nhà”

### **Cái giá củ Sắn**

Một tòa án nhỏ được mở ra, một buổi “phê bình mổ xẻ”, kiểm điểm gay gắt diễn ra với đủ loại ngôn từ cách mạng, phóng ra từ bạn bè mình, xỉ vả tôi tới tấp dưới sự dẫn dắt, “chủ trì” của quản giáo. Nào là còn tư tưởng cá nhân, tư tưởng tư bản bóc lột trên sức lao động (trồng sắn) của người khác, Nào là lợi dụng sự “tin tưởng lơ là” của cảnh vệ để “cải thiện” trong giờ hành chánh! Nào là phá hoại mùa màng tài sản của trại, nào chưa thực sự an tâm cải tạo, than vãn đói no ...

Trong lúc kiểm điểm thì mọi người cố ghép 4 anh kia, tổ đốt than, thành tòng phạm và “bao che” cho tôi. Nhưng tôi cứ một mặt “thề thốt” như đinh đóng cột rằng đây là lần đầu tiên, tôi nhổ sắn, tôi nấu đem về, mấy anh kia chưa hề biết đến. Mấy anh kia không có “liên hệ” đến việc nhổ “củ mì”. Tôi vi phạm thì tôi xin chịu lỗi.

Suốt hơn hai tiếng đồng hồ lãnh búa toe tua, tôi chỉ gật đầu nhận tội, và cũng hứa với cách mạng là sẽ sửa đổi để chóng trở nên người “tốt, có ích cho xã hội mới”

Và sau cùng là đến lúc hạ màn để tuyên án,

“quản giáo nhà tôi”, một anh chàng trạc khoảng 35-40 tuổi, hình như tên “Khiết” hay “Khuyết” gì đó rất đơn giản nhưng khó nhớ lại sau 50 năm, anh ta người Quảng Nam giọng đặc sệt, gương mặt xương xẩu xám đen, chưa già mà đã hơi khòm.

Anh chàng này hể mỗi lần “lên lớp” là cứ mặt sát kể tội ngục quân bản giết dân làng nhà anh, đốt nhà, thả bom...lời lẽ phun ra như đang trả bài bài học thuộc lòng, xong rồi thì anh lại mang “ông Trung Quốc” và “ông Liên Xô”, “bác Hồ”, “bác Lê Ninh” ra mà ca tụng hết lời.

Mọi ngày bình thường thì anh ta cũng cư xử tử tế, hiền lành với tù binh. Nhưng hôm nay thì không khí phê bình kiểm điểm xảy ra rất “căng” Khuôn mặt của anh ta trở nên đanh đá, lạnh lùng.

Sau khi hỏi còn ai có ý kiến gì nữa không, mọi người cũng đã quá mệt mỏi qua một ngày “lao động”, lại bị kéo dài theo sự “ngoan cố” của tôi, nên im lặng. Lúc này thì “quản giáo nhà tôi” thực sự quên bẵng đi những lần anh ta ghé trại cưa, gặp tôi hay Phước hoặc Khiêm để nói nhỏ với chúng tôi cất dấu vài tấm ván gỗ Gõ, Cẩm Lai, Xá Xị, hay Sơn Huyết cho anh ta, và dặn dò đừng có ghi vào sổ sách ...

Anh quản giáo nhà tôi trịnh trọng tuyên án:

- Thế theo biên bản của buổi phê bình kiểm điểm hôm nay, Cách mạng tuyên phạt trại viên Huỳnh Tiến về tội “phá hoại mùa màng tài sản của trại, phá hoại công sức lao động của mọi người”. Đúng ra là hình phạt sẽ rất nặng, nhưng để cảnh cáo, chúng tôi phạt anh phải trồng cho đủ 100 cây chuối con

trong phạm vi ngoài giờ hành chánh. Lệnh phạt được chấp hành ngay lập tức.

- Anh Tiến! đi theo các anh cảnh vệ để nhận dụng cụ!

Vào lúc đó thì chắc cũng đã hơn 10 giờ đêm.

Sau khi lên kho dụng cụ để nhận một cái thuổng và một cái xẻng, rồi xách thêm ngọn đèn bão. Dưới mưa lất phất, hai chàng vệ binh dẫn tôi lên khu trang trại của ban chỉ huy.

Đi đến một khoảng đất tương đối trống và khá rộng, họ biểu tôi bắt đầu đào 100 cái hố nhỏ, sâu hai tấc, rộng ba tấc, mỗi lỗ cách nhau chừng một mét.

Tôi cầm cúì đào từng lỗ, từng lỗ, không thối mác lời nào. Im lặng, chăm chỉ làm!

Mẹ nó! Mình thì hì hục đào, áo quần pha mồ hôi với nước mưa ướt nhèm nhẹp, còn tụi nó thì choàng nylon, hút thuốc nói chuyện, cái giọng Quảng Nam oang oang lú lo, thỉnh thoảng lại thúc giục tôi nhanh lên!

Cũng nhờ mưa lâu thấm đất cho nên đất mềm hẳn ra, và rất may là ít đá sỏi, cái thuổng xắn xuống sâu hơn, lấy đất lên mau hơn, tuy nhiên sức người có hạn, càng về khuya tôi đào càng chậm lại, nghỉ tay nhiều lần hơn mặc cho tụi nó la hét, nhưng rồi tụi nó cũng ba lần đổi gác thì trời đã rạng sáng và tôi cũng đã đào gần được 80-90 cái lỗ gì đó rồi thì keng báo thức 5 giờ sáng vang lên. Hai tên cảnh vệ lại “hộ tống” tôi trả về nhà.

Tuy gần như liên tục hoạt động suốt đêm, nhưng cái ướt lạnh đã thấm qua da thịt. Mệt lã người.

Thay áo quần xong là tôi nằm lăn ra trên sạp tre ngay. Mọi người đều đã thức dậy, một hai anh tò mò liếc mắt vào tôi rồi lục tục mang ca US, gà mèn, xuống nhà ăn tập thể để ăn sáng. Sáng nay trời vẫn mưa nên không có màn tập thể dục tập thể.

Mơ màng thiếp đi được một lát thì keng 6 giờ đi làm gióng lên. Hôm đó tôi đi làm theo đội nhà, cuốc vun thành vòng đất để trồng rau khoai lang. Đương nhiên hôm đó tôi được sự chiếu cố thúc dục của bọn cảnh vệ nhiều hơn mọi người; nhưng tai tôi bị điếc, tôi chỉ làm việc theo sức mình.

Buổi trưa thì cả đội về trại, ăn cơm trưa và nghỉ ngơi chừng một tiếng đồng hồ. Riêng mình tôi, sau khi cơm trưa xong thì bị dẫn giải lên ban chỉ huy để đào tiếp cho đủ 100 cái lỗ. Khi đào xong thì lại bắt đầu xuống kho mượn đôi trạc tre (loại thúng cạn đan bằng tre) và đòn gánh, đi ra chuồng bò gánh phân về, đổ vào 100 cái lỗ đó.

Buổi trưa hôm đó lại qua đi, tôi lại về đội để vun vòng khoai.

Đương nhiên là buổi chiều và nguyên đêm hôm đó tôi lại “lao động ngoài giờ hành chánh”, đổ phân cho đầy 100 cái lỗ. Sau đó là ra vườn chuối, cũng mưa đêm, cũng ướt lạnh, cũng cắm cúi kiên nhẫn và ngoan ngoãn, tôi dùng thuổng và xà beng, xắn tách gốc ra cho được 100 cây chuối con, lớn có, nhỏ có, bó lại rồi gánh về trồng vào 100 cái lỗ.

Đêm thì rất dài, và kinh khủng dài, nhưng xin vẫn tắt là gần sáng thì tôi đã “hoàn tất án phạt”, mệt rũ rời như sáng hôm qua; và rồi cũng lại theo đội, đi vun vòng khoai dưới sự chiếu cố, săn sóc kỹ lưỡng hơn mọi người.

Nợ nần trang trại đã xong, cứ tưởng rằng mọi chuyện đã yên! Nhưng trưa hôm đó ...

### **Khách sạn trong lòng đất**

Khi vừa cầm đến ca US cơm trưa thì một vệ binh gọi tôi lên gặp “đồng chí” Thanh ngay.

Tôi bỏ cơm xuống, chưa kịp ăn miếng nào:

- Gặp việc chi đó anh? Tôi hỏi.
- Không biết! lên đó gặp đồng chí Thanh thì biết!

Tên vệ binh áp giải tôi ra cổng trại, rồi đi lên dốc, phía ban chỉ huy. Dưới mưa phùn, trung sĩ Thanh, đội trưởng đội cảnh vệ đang đứng chờ tôi trên dốc. Thằng này vào cỡ tuổi như tôi hoặc nhỏ hơn, vẻ cao ráo, mặt mày sáng sủa cũng dễ coi, nhưng đôi mắt nhìn soi bóí chăm hăm vào tôi. Tôi tự hỏi “mẹ nó, chi nữa đây!”.

Tôi đứng nghiêm:

- Báo cáo anh, tôi có mặt!

Thanh chấp tay sau lưng, nhìn tôi một lát rồi hất hàm:

- Anh ăn cắp củ mì bao nhiêu lần rồi?
- Chỉ một lần. Tôi trả lời ngay không chần chừ.
- Anh ngoan cố hã! khai báo thật đi thì tôi tha.
- Chỉ một lần.
- Vậy thì anh lên trên đó, vác xuống đây một thước rươi củi cho tôi! Hấn chỉ tay về phía đống củi sau nhà bếp của “cơ quan”
- Nhưng mà thưa anh, tôi đã thi hành tuyên phạt của quản giáo xong!
- Anh ngoan cố hã, tôi phạt anh tiếp.
- Thưa anh tôi chưa ăn cơm trưa, đói vác củi không nổi.
- Mặc kệ anh, anh cứ vác củi xuống đây, anh có thi hành không?
- Anh muốn phạt nữa thì cứ phạt

Dưới bốn con mắt đi theo giám sát của hai cảnh vệ, tôi mượn dụng cụ, đóng bốn cây cọc ở bốn góc chữ nhật, cao năm gang tay, chiều rộng một sải và chiều dài sải rươi. Xong rồi cứ lăm li kiên nhẫn đi lên đi xuống vác củi chất vào cái khung đó. Vừa đói vừa ướt lạnh mà trong lòng đã bắt đầu cảm thấy sắp sùng máu nóng. Khoảng hơn một tiếng đồng hồ thì tôi chất xong một khối rươi củi.

- Báo cáo anh, thi hành xong!
- Anh vào kho dụng cụ mượn cái “búa” lên đây, rồi chẻ cho hết đống củi nội trong buổi trưa này cho tôi! Thăng Thanh lại ra lệnh phạt tiếp.

(ở Quảng Nam, người ta gọi cái rìu là cái búa chẻ củi, rồi gọi tắt luôn là cái búa!)

Ông tiên tổ tụi mày có sống lại cũng không bừa hết đống củi ni trong buổi trưa. ĐM tụi mày! Như ri là quá lắm, hết nhịn nữa được rồi! Tôi chửi thề.

Tôi vào kho, mượn cái rìu, đi lên đống củi, lôi ra một cây to và nặng, bắt mẫn ném xuống đất cái ình, đất bùn tung tóe lên, bắt đầu chống đối.

*Mẹ nó, tám tuần huấn nhục ở trường Võ Bị vẫn còn thiếu cái món ăn chơi này đây!*

Tôi vung chiếc rìu bổ mạnh dính sâu vào đầu cây gỗ, tay phải cầm cán rìu, tay trái gát sau lưng, ưỡng ngực, chân phải đạp vào cây gỗ, ngửa mặt lên trời hứng mưa, rồi đứng yên mà cảm hồn dâng cuộn cuộn.

- Anh kia, chẻ củi đi!
- Tiến! mà có chẻ củi không?
- Tiến! ....
- Thằng này ngoan cố! đánh chết hẳn đi!
- .....

Không nghe! Không thấy! không biết!

Đánh mùi thấy có chuyện, Bọn chúng kéo thêm 5-6 thằng nữa, vây quanh tôi la ó. Tôi vẫn đứng như trời trồng, không nghe, không hay, không biết! tay tôi vẫn nắm chặt cán rìu, chân đạp lên cây gỗ, ngửa mặt lên trời hứng mưa. Phen này thằng nào mà đại dột xông tới gần là ông cho về châu thổ ngay. Tao liều mạng với tội mày!

Hò hét, la ó thì nhiều, nhưng chả có thằng nào dám xông vào, chỉ gầm gừ như bày chó sói vây quanh. Có lẽ vì không phải là giờ canh gác tù, cho nên chẳng có thằng nào mang theo súng cả, cả đám hơn nửa tiểu đội, chỉ vây quanh tôi múa võ mồm!

Dần dần, do không hoạt động lại dầm mưa, cộng thêm cái đói, hàm răng tôi bắt đầu gõ với nhau, người tôi bắt đầu run cầm cập, không thể gượng để che dấu được.

Tiếng keng trưa báo thức vang lên từ chòi canh. Tôi vẫn đứng yên, không phản ứng. Rồi hồi keng đi làm, và mọi bắt đầu sắp hàng một đi ra cửa trại.

- Anh Tiến! về theo đội đi làm đi! Thằng Thanh lên tiếng.
- Về đi làm theo đội đi! chiều về bữa củi tiếp!

Một thoáng suy nghĩ, tôi nghiêng mặt trả lời:

- Vậy thì được, chiều nay tôi sẽ lên bữa.

Tôi buông tay khỏi cái cán rìu, quay mình đi xuống dốc. Vừa đi được chừng 6-7 bước thì.



“Bịch! Bịch! Bốp! Bốp”. Bất thình lình như bị sét đánh ngang lưng, lên vai, lên đầu. Tôi ngã chúi, nhào về phía trước. Bầy chó sói hèn hạ ùa lên, rút cây hàng rào quất túi bụi, tới tấp khắp người tôi. Phản ứng tự nhiên, tôi co cụm, hai đầu gối sát vào bụng, hai tay bèn tay đan sau ót, vừa lẩn vừa tránh đòn thù. Máu ở đâu đó bắt đầu loang lổ theo nước mưa, vào bùn. Lấy hết sức mình, như cái lò xo, tôi chồm dậy búng người húc đầu vào thành đứng dưới dốc. Thành này nháy tránh, tôi nhào xuống và lẩn xuống dốc. “Đoàng! Đoàng” Hai phát AK từ trên chòi gác cổng bắn xuống. Một viên trúng đất, bên phải, sát ngay màng tang (thái dương) của tôi, đất bùn tạt lên phủ đầy mặt và vai. Tôi vẫn tỉnh, nhưng nằm im không cựa quậy. Máu và bùn quện vào nhau

- Thành Tiến chết rồi! Thành Tiến chết rồi!
- Thành Tiến bị bắn chết rồi!

Anh em đang đi làm ra khỏi cổng, ào ào bỏ hàng chạy ùa lên cả hàng chục người, vây quanh tôi. Đám cảnh vệ cũng tưởng rằng tôi đã bị trúng đạn, nên dừng lại và rút lên dốc. Tưởng cũng nên nói rõ là mỗi ngày đi làm, để giữ an toàn cho cảnh vệ, thì trong đội cử một hai người lên kho dụng cụ nhận cuốc xẻng, dao rựa rồi bó lại, và vác đi cách xa hàng tù binh. Khi ra tới ruộng rẫy thì mới phân phát dụng cụ ra. Khi về thì cũng vậy, anh em giao nộp dụng cụ lại tại chỗ, bó lại. Cho nên khi anh em ùa lên thì họ tay không, nếu không thì cảnh vệ gác cổng đã bắn bừa vào đám đông rồi.

Có khoảng hơn mười anh em khom xuống bao quanh tôi. Một người vuốt máu và bùn trên mặt tôi. Thấy tôi không bị trúng đạn, hai anh bạn nào đó, không nhớ tên, xốc vào nách, đỡ tôi dậy.

- Các anh khẩn trương giải tán ngay!
- Các anh đi làm đi! Tụi vệ binh xua đuổi.

Anh Đức, Đèo Văn Đức vắt tôi lên vai như vắt bao gạo, chạy vội về trạm xá (nằm trong trại tù). Năm sáu anh em khác chạy theo. Họ đặt tôi lên sạp tre, rồi lột bộ áo quần bê bết bùn ra. Máu trên mặt tôi vẫn ứa ra. Một vết nứt dài bằng móng tay ngay giữa mũi và miệng, môi trên tôi sưng vù ra căng cứng, không rõ là bị đánh

hay bị đâm bằng cây. Hai cánh tay trước của tôi nổi lên từng cục vì đỡ đòn thù, toàn lưng ê ẩm, bưng bưng không còn cảm giác đau đớn là gì.

Đang lau bùn cho tôi thì một đám vệ binh ủa vào đuổi mọi người ra. Anh Đức đang tần ngần thì bị một thằng cầm ngang cây AK đẩy ra ngoài. Một thằng cầm tay tôi kéo ra khỏi sạp tre thì anh bộ đội y tá trại, tên ... người Quảng Nam ngăn lại.

- Để anh này lại đó! Ở trong trạm xá là thuộc quyền của tui, các đồng chí muốn dẫn đi thì phải có giấy của đồng chí giám thị.

Bọn vệ binh gầm gừ hăm dọa tôi mấy tiếng rồi rút lui. Tôi nhìn anh y tá với ngụ ý cảm ơn.

- Đại dột quá anh Tiến, lấy đá vá trời chi vậy! ráng học tập tốt để về chứ! Bộ anh không có cha mẹ, vợ con à! (nguyên văn).

Anh y tá lấy một “tấm đắp” đắp cho tôi, rồi lấy miếng gạc nhúng vào nước nóng và lau vết thương trên mặt cho tôi. Thấm đòn, tôi lịm đi lúc nào không biết.

Anh Đèo Văn Đức, thiếu úy Không Quân, thuộc không phi hành. Hồi đó anh vào khoảng 40-42 tuổi. Người dong dỏng cao. Anh thuộc dân tộc Nùng cho nên nói chuyện lơ lơ như người Tàu. Không biết sao mà anh Đức rất thân thiết với tôi. Anh dạy tôi chặt cây giang, chẻ lạt, bện tranh như thế nào mà không quá dày quá mỏng. Chặt mây, đốn tre, như thế nào mà không bị vướng víu...

Những lúc chia nhau “bi” thuốc Lào, có lần anh hỏi tôi:

*“Anh là “tà loạt” (Đà Lạt) hả? Tôi cúng lờ Sí Con Tà Loạt đây. Tôi khó mùi (khóa 10), là lin chưởng của anh đó!”*

Lúc nào tôi cũng gật gù cười, nhưng không tin. Mãi cho đến hơn 40 năm sau này, khi có dịp tham gia vào cuốn sách về lịch sử của Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Tôi tìm thấy có tên anh trong Khóa 10, ra trường về Không Quân. Không hiểu sao tới năm 1975, anh vẫn còn là Thiếu Úy muôn năm. Chắc là bị “đi”.

Năm 1978 khi giải tán trại 2 thì anh được thả ra, không biết anh về đâu, có lẽ về lại núi rừng Bắc Việt.

Một cái gì đó thúc mạnh vào cạnh sườn, tôi mở bừng mắt ra.

- Mà đúng dậy đi theo tao! Thằng nhóc con vệ binh thúc báng súng vào tôi và hét.

Sau lưng hẳn là 3 thằng nữa, toàn là nhóc con cỡ 16-18 tuổi, tay cầm AK. Một thoáng trong đầu tôi “lại gì nữa đây, tụi này chắc kiếm chuyện nữa rồi”.

Không trả lời, tôi uể oải, kéo tấm đắp qua một bên, ráng sức từ từ đứng dậy,. Đôi dép râu bác HỒ không có dưới chân, có lẽ nó đã tuột mất khi tôi bị “bề hội đồng”. Liếc mắt nhìn quanh, anh chàng Y tá thì không có ở đó, và tôi chỉ có một cái quần xà lỏn.

Tôi khập khểnh chậm chạp bước đi với nhóm cảnh vệ loắc choắc AK đằng sau, diễn hành dọc theo sân trại, hướng về dãy hàng rào cổng sau. Trời đã nhá nhem tối, mưa vẫn lất phất theo ngọn gió Bắc, châm chích liên hồi vào mặt như những ngọn kim. Vài người đứng trong cửa ngó theo bước chân loạng choạng của tôi. Trại đã lên đèn.

Ra khỏi hàng rào cổng sau, hướng về phía khu trại nuôi heo, gần bìa rừng. Tự nhiên một lóe ý tưởng trong đầu đến với tôi “Chắc có lẽ tụi này dẫn mình đi bắn đây!”. Nghĩ tới đây, tôi thoáng khựng lại, vẫn cúi đầu về phía trước, dò dẫm đo khoảng cách với thằng cầm súng chĩa sau lưng.

- Các anh dẫn tôi đi đâu?
- Đi đi! không được hỏi han gì cả. Hẳn thúc mũi súng vào lưng tôi.

Vào lúc thập tử nhất sinh như vậy thì liều mạng một đòn ushiro cũng có thể xoay chuyển tình thế. Nhưng còn đến 3 thằng kia nữa, và tôi lại vừa bị trận đòn dở sống dở chết hồi trưa. Nghĩ như vậy, tôi từ từ bước đi mà trong đầu cứ tính toán.

Vừa mò mẫm, sì sụp trong mưa đêm theo mấy ngọn đèn pin lập lờ, vừa rung cầm cập vì đói lạnh. Sau cùng thì bọn chúng biểu tôi đứng lại.

Thằng Thanh, đội trưởng cảnh vệ đã đứng chờ ở đó. Tôi nhìn quanh, đó là một khoảng trống nhỏ trong khu rừng thưa, trước mặt tôi chừng ba bốn bước, lờ mờ một cái hố tròn đen sì.

- Quay lại! Thanh ra lệnh cho tôi, giọng hấn hơi chùng xuống.

Tôi quay lại đối diện với hấn. Hấn tiến lại gần tôi cách ba bước, lôi cây K54 ra, chia xuống đất, tay kia cầm đèn pin chiếu vào mặt tôi rồi đi qua đi lại hai ba lần. Bốn thằng vệ binh như bốn cái bóng ma vây thành vòng cung phía sau hấn, AK cũng chia xuống.

Tôi bắt đầu thấy hoảng. Đang dầm mưa lạnh lại lạnh thêm. Cái kiểu này là tụi nó sắp làm thịt mình rồi; tôi nghĩ thầm. Chưa biết phải phản ứng như thế nào trong tình thế này. Tính! Tính! Tính nhanh lên!

- Anh phản lại cách mạng hả? “Chống chế” lại chúng tôi không làm việc phải không?
- Thưa anh không! Tôi đã “chấp hành” và “hoàn tất” việc vác củi, nhưng không được ăn trưa, đói quá, tôi không làm thêm nổi nữa. Tôi trả lời.
- Cấp trên ra lệnh là anh phải chấp hành, anh tự ý tùy tiện nghỉ giải lao là chống lại chúng tôi!

Hấn “lên lớp” một hồi nữa. Tôi đứng im.

- Anh nhổ củ mì mấy lần? Bất thành linh hấn quay lại vụ nhổ sẵn.
- Chỉ một lần ...đây là lần đầu.
- Ngoan cố! các anh làm gì chúng tôi đã có báo cáo hết, anh nói lại đi!
- Chỉ một lần ...

“Bịch”! Bất thành linh hấn nhảy tới tung một đạp vào bụng tôi.

Bao nhiêu năm võ nghệ tự nhiên quên hết! Không đỡ được một đòn đá đơn giản, tôi loạng choạng thối lui hai bước. Chưa kịp đứng vững thì hấn bồi thêm một đạp vào ngực. Tôi lại dội lui và sả chân vào cái hố, tay chân quơ tứ tung, bấu víu vào thành hố theo bản năng, rồi chới với trong khoảng không lơ lửng. Tôi vùn vụt rơi ngửa xuống cái hố đen ngòm hun hút, đánh ùm xuống đáy, nước tung tóe lên.

Đầu đập tôi vào thành hố, rồi cả người chìm xuống, lưng chạm đáy. Vùng vẫy theo phản xạ tôi chống tay và ngoi đầu đứng lên. Gót chân phải chọt nhói lên như dao đâm. Nước chỉ ngập ngang háng.

Thoảng lên mùi rong rêu tanh tươi pha lẫn mùi nước phèn rỉ sét. Mùi mịt quanh tôi một màu mực Tàu đen kịt, tôi mò mẫm quơ tay vòng quanh thì chạm vào một lớp cây cỏ gì đó nhờn nhờn trên tường

Tôi vượt nước trên mặt, đụng vào vết thương như điện giật. Có ánh đèn pin dội xuống, và tiếng nói xôn xao từ bên trên. Tôi nhìn lên, lóa mắt nhưng cũng thoáng đoán được chiều sâu của cái hố tròn khoảng chừng 5 mét, mà đường kính chỉ hơn một sải tay.

Và rồi tôi chợt nhận ra rằng mình đang đứng dưới đáy của một cái giếng.

Cơ thể trần truồng, tôi co ro ép hai tay sát vào ngực, hàm răng đánh cồm cộp liên hồi như chim gõ mỏ, cái cảm giác đói biến đâu mất cho dù bụng trống rỗng đã một ngày qua. Hai chân tôi bắt đầu nhũn xuống, tôi đứng tựa vào thành giếng, rong rêu và cây lá trên tường làm tôi cảm thấy dễ chịu hơn.

Tiếng nói léo nhéo một hồi lâu từ trên vọng xuống, bớt dần, rồi im bật. Thỉnh thoảng lại có ánh đèn pin soi mói, quẹt qua, quẹt lại rồi thôi. Trả lại cho tôi cái nhức nhối râm người, Ngoài tiếng rên khe khẽ không cầm được của tôi thì sự im lặng trĩu xuống hòa tan trong khoảng không đặc trôi một màu đen tăm tối.

Cái lặng yên đầy áp lực đến khó chịu khiến tôi thèm muốn một tiếng động nhỏ nhoi nào đó, dù là một tiếng cú lẻ loi, hay tiếng đế mèn than vãn cho có kẻ đồng hành. Tự nhiên tôi cảm thấy mình có một chút tự do, chút tự do tự ban, tự an ủi lấy ít nhất là thoát khỏi sự hành hạ dã man của đồng loại.

Dần dần tôi tìm ra chân lý. Vẳng ngọn gió Bắc dưới giếng sâu, cái giá lạnh bỗng dưng hiền từ, không từng cơn cắt vào da thịt nữa. Nước giếng lại ấm áp hơn không khí, có lẽ thừa hưởng chút hơi ấm mùa Hè còn vẩn vương lại trong lòng đất. Tôi từ từ ngồi tụt xuống, ngâm mình trong nước, mực nước xấp ngang ngực, lưng vẫn tựa vào vách giếng. Cảm giác tương đối ấm như vỗ về an ủi.

Có tiếng vo ve của muỗi rừng. Loài ký sinh trùng hảo máu này đánh hơi rất nhanh bất kể thời tiết, bất kể ngày đêm, bất kể nơi đâu, dù là dưới giếng sâu. Muỗi bắt đầu oanh tạc trên mặt, trên hai vai tôi, đuổi mãi cũng chả ích thêm gì. Cái lạnh đã đóng băng cảm giác.

Xương thịt thấm đờn bắt đầu nhừ ra, cơn nhức nhối như cơn sóng ngập tràn thân thể tôi, vết thương trên môi miệng giàn giụa hòa điệu theo nhịp tim. Tôi như đắm cơn say nghiện, mơ màng rồi lịm dần, thỉnh thoảng lại giật bắn lên vì đầu cắm xuống nước ...

Và rồi cái đêm khốn nạn dai dẳng cũng qua đi.

Mưa cũng đã tạm ngừng rơi. Khoảng trời xám tròn như miệng vung ở trên cao dần dần lộ mặt hẳn ra, hắt chút ánh sáng nhạt nhòa trên những cụm dương xỉ bám quanh thành giếng. Lều bều rêu bọ nổi từng cụm vây quanh tôi như một đám rùa xanh.

Tôi giật mình chống tay lên tường, trườn người đứng dậy, gót chân phải lại đau nhói. Tôi co chân, dùng tay kéo bàn chân lên khỏi mặt nước, một đường cắt dài bằng hai ngón tay mở miệng ra, máu hòa với nước ri rỉ tươm. Một cái gì đó đã chệch gót chân tôi làm hai khi rơi xuống giếng đêm qua. Vết thương trên mặt tôi sưng tấy lên, nóng rực, nhức nhối vô cùng. Vẫn không thấy đói, nhưng cổ họng tôi, môi tôi khô đắng vì khát nước.

Điều buồn cười là mình đang ngập mình trong giếng mà lại khát nước.

Tôi ngược mặt lên quan sát một hồi khá lâu. Cái thành giếng thẳng đứng cao ngút, phủ đầy Dương Xỉ và rêu cỏ ngắn dài vươn ra, không có một chỗ nào có thể bám vào để trèo lên được. Dù có học được món “Bích Hồ Du Tường” cũng chịu bó tay.

Mẹ nó! không lẽ đời mình kết thúc ngắn ngủi nơi cái giếng hoang này! Tôi lẩm bẩm trong vô vọng.

### **Ngày thứ hai trong giếng hoang**

Rừng buổi sáng, nhưng không một tiếng chim, không một lời than thở của côn trùng. Ngoài tiếng sóng nước đôi khi khua lên từ cử động của tôi, thì một sự im lặng, trĩu xuống gần như tuyệt đối.

Có tiếng động bên trên, tôi nhìn lên, bắt gặp cái bóng đen nón cối lộ nhìn xuống, AK kẹp bên hông. Thấy tôi vẫn còn đó, hắt đi vòng quanh, lấy cây quơ soàn soạt

trên miệng giếng, chắc là để kiểm tra gì đó. Rồi không một lời thắc mắc hỏi han, hẩn biến mất.

Và cứ như thế, ngày dài vô tận.

Tôi hết đứng lại dầm mình trong nước, miệng mũi tôi sưng phù, đôi khi cái đau quá mức chịu đựng, tôi rên rĩ rồi ngất lịm đi, rồi lại mơ màng tỉnh tỉnh mê mê. Tay chân tôi đã tê cóng và mất cảm giác từ lâu, nhưng cả người tôi lại run rẩy từng hồi như bám víu chút sinh khí.

Dù có lúc mưa lúc tạnh, dù có đôi chút ánh sáng ban ngày lọt xuống giếng sâu, lũ muỗi rùng khát máu vẫn không mệt mỏi, hung hãn lao vào trên mặt, trên vai tôi. Ban đầu tôi còn tự vệ xua đuổi, nhưng dần dần cũng đành buông xuôi. Da tôi dâm lỳ ra, không còn cảm giác nữa.

Nhiều con quá no máu, căn phòng như hột lúa nếp, bay không nổi, lê lét bò rồi rơi xuống nước.

Thỉnh thoảng đôi canh giờ thì lại có cái đầu nón cối ló ra bên trên. Không một lời đối thoại.

Suốt ngày hôm đó, bọn vệ binh chẳng ném được cho tôi một lát sắn khô nào, và tôi vẫn không có cảm giác đói, nhưng cơn khát nước mới là kinh khủng. Cổ họng tôi khô rang, lưỡi và vòm miệng cũng khô queo, đắng nghét. Đôi khi mắt lại thấy bức tường giếng trước mặt run run nháy múa. Tôi đã liếm nước mưa trên hai tay, húp mấy giọt nước đọng trên mấy viên đá nhỏ quanh tường giếng, nhưng cơn khát chỉ dịu đi đôi chút rồi trở lại ngay.

Cái mùi tanh của rong rêu, cái mùi rỉ sét của nước phèn bây giờ không còn nữa, không biết rằng mình đã quen mùi hay mình đã mất khứu giác. Hai tay bụm nước giếng lên đưa lên miệng, nếm thử, ngậm vào miệng thử, buồn ói, rồi lại nhổ ra. Nhưng cuối cùng thì cái bản năng sinh tồn thôi thúc quá mãnh liệt.

Cầm cự đến trưa, đến chiều thì tôi đã không “tự thắng” được nữa.

Ngậm nước giếng phèn, lều bều rêu xanh, hòa với mấy lần nước tiểu của tôi, hực lên mùi rỉ sét làm dạ dày tôi thắt lại, nhọn lên, nhưng khi nhắm mắt đánh ực thì nước trôi qua cổ họng như cơn mưa dông qua đồng cỏ cháy. Trôi xuống đâu là

biết đến đó. Thần dược cũng đến mức đó mà thôi! dần dần bụng tôi óc ách nước, sôi ròn rột.

Cái miệng giếng ở trên đầu bắt đã hòa vào bóng tối tự bao giờ. Một đêm dài khốn nạn lại đến và đã đến. Như đoạn phim kinh hoàng được lập lại, vẫn cơn mưa phùn buốt lạnh, đông cứng mặt, tái tê da. Vẫn những ánh đèn pin quét qua, quét lại vô cảm, mất tăm trong bóng đêm.

Tiếng muỗi vo ve không bớt đi cái lặng yên ngọt ngọt của tử thần lảng vảng. Tiếng rên từ bản năng chẳng dịu bớt sự hành hạ của cơn đau, Vẫn trạng thái dật dờ, tỉnh mê lẫn lộn, tôi lại cắm đầu vào nước mấy lần.

Và đêm đó cũng qua đi, rồi ban ngày lại tới tự bao giờ tôi cũng chẳng hay. Tôi không còn phân biệt được ngày và đêm nữa. Gót chân và mặt tôi đã nhiễm trùng, bắt đầu sưng phù, căng cứng, nhức nhối vô cùng. Từng cơn sốt nóng lạnh tấn công tôi dồn dập.

Tôi ngập mình trong nước và không còn muốn đứng lên nữa. Tiếng rên la của tôi cũng dội lại quanh quẩn trong thành giếng như chế diểu. Đôi lần ngập đầu xuống, lại uống và uống. Cái trạng thái bị hành hạ, liên tục có, âm ỉ có, bởi cái đau toàn diện không thể diễn tả bằng ngôn ngữ.

Trạng thái đó làm tôi cứ dật dờ thoi thóp, dở sống dở chết, chống chọi theo bản năng sinh tồn, và thần chết đang đứng bên chờ vung lưỡi hái.

Trạng thái đó, thời gian không còn tồn tại. Không hiện hữu trong ý thức hay nhận biết qua cảm giác nữa.

- Trèo lên!
- Trèo lên! Tôi mơ màng nghe tiếng ai đó vọng từ trên xuống.
- Trèo cây đó mà leo lên!

Trước mặt tôi là một thân cây mảnh khảnh, đường kính độ hơn gang tay, cắm xuống nước, tựa vào thành giếng, có nhiều cành bị chặt ngắn còn lại chùng gang tay. Không biết cái cây này được thả xuống tự khi nào tôi chẳng hay.



Tôi ngược đầu lên có vài bóng vệ binh quanh miệng giếng. một ánh đèn pin chiếu thẳng vào mặt tôi.

- Trèo lên!

Tự nhiên tôi cảm thấy mình như trở về thực tại.

Tôi chống hai tay vào tường, cố sức trườn người đứng dậy bằng một chân, rồi lần theo thành giếng, hai tay với níu vào thân cây, mò mẫm đặt chân trái lên cành cây. Đầu óc xây xẩm choáng váng, tôi gom hết sức tàn, hì hục nhất từng nấc, bám từng cành cây, trèo, nghỉ, trèo, nghỉ.

Tôi chỉ trèo lên được chừng hai mét thì không nhích thêm được chút nào nữa. Mặc cho tiếng gào la thúc dục, tôi ôm chặt thân cây.

Biết mình sắp rơi xuống trở lại. Chưa biết như thế nào thì hai tên vệ binh thông xuống một sợi dây mây thành chữ U. Tôi cố vòng sợi dây ra sau lưng rồi luồn dưới hai nách. Không mấy khó khăn, hai tên vệ binh đã kéo tôi ra khỏi miệng giếng.

Tôi nằm úp trên mặt đất. Mưa đã ngừng từ lâu, nhưng mặt đất, nước còn đọng vũng.

- Đứng dậy! thằng Thanh ra lệnh

Tôi chống hai tay, ráng sức khập khiễng đứng dậy. Toàn thân chỉ cái quần lót ướt nhèm nhẹp. Gót chân phải tôi sưng to và nặng như đeo quả tạ. Tôi ráng giữ thăng bằng bằng chân còn lại. Tôi lại bắt đầu run lên theo từng cơn gió.

Bầu trời vẫn xám xịt, khó đoán, nhưng có lẽ đã nửa buổi chiều. Có vài vệ binh rảo bước quanh tôi.

Gần hai ngày ngâm mình trong nước, sống chung với hàng tỷ loài vi khuẩn trong giếng, từ ngực trở xuống, da tôi bắt đầu nhờn ra, trơn như bôi mỡ, bốc lên một mùi hôi không tên tuổi, khó tả. Hai bàn tay phồng lên, nhuộm phen vàng khè, nhưng ngón tay móp méo nhăn nheo như những trái táo tàu khô. Như một dị nhân đến từ hành tinh khác, tôi không còn nhận ra tôi.

- Anh đã nhớ củ mì mấy lần? Thằng Thanh chống nạnh hất hàm hỏi

Tôi ngược mắt nhìn thẳng vào mặt hắn, không trả lời.

Dưới bóng xám của cái nón cối, cặp mắt hắn chột phát hung hăng:

- Tao hỏi mày, mày đã nhổ củ mì mấy lần rồi?
- Chỉ ...có ...một lần. Tôi thều thào
- Thằng này quá ngoan cố! Ngoan cố...này!

Không chùn chân, hắn rấn cho tôi một đạp. Tôi bật ngửa, tự do rơi đánh cái bịch xuống đất, choáng váng, trời đất quay cuồng. Tôi nôn ọe, có mùi tanh của máu hay nước giếng.

Theo bản năng, tôi co rút người lại như con tôm, tay và chân co cụm lại để đỡ cái chòm đòn hội chợ giáng xuống lần nữa. Những cú đá bình bịch vào lưng tôi, những cú đạp tóa lửa vào đầu, không biết tôi có rên la gì không, nhưng tôi chả biết đau là gì.

Bao nhiêu nước giếng trong dạ dày đã trào ngược lên mũi, miệng. Nghẹt thở tôi buông lỏng tay chân, rướn người ngớp lậy không khí ...

Cuối cùng thì trận bề hội đồng đợt hai cũng thừa thớt đi rồi ngưng lại. Không biết họ đã nhàm chán khi tập đá vào cái bao mềm nhũn hay là cái nhân tính của loài người chột thức dậy trong họ!

Thằng Thanh đi qua đi lại hằm hằm, sau cùng hắn ra lệnh:

- Các đồng chí bỏ nó vào chuồng heo đi!

Hai vệ binh chần chừ một lát, rồi kẻ nắm hai chân, người nắm hai tay tôi, vừa khiêng, vừa kéo. Bốn tên thay phiên nhau khiêng đi một đoạn thì đến chuồng heo.

Thay vì bỏ tôi trong chuồng heo thì họ thả tôi nằm bên ngoài, dọc theo sát bờ chuồng, nơi vũng nước và phân heo nhầy nhụa chảy ra, và rồi đứng rải rác, bàn tán gì đó, mơ màng tôi không rõ. Hình ảnh họ cũng mờ dần theo thị giác của tôi.

Rồi như được kéo một hơi thuốc Lào dài vô tận. Bao nhiêu đớn đau nhức nhối từ từ tan biến. Cái lạnh cóng cũng rời khỏi cảm giác. Tay chân tự nhiên thừa thãi và nặng nề. Tôi lại cảm thấy mình nhẹ hều, bồng bênh như đi trên nệm bông, lông

lâng bay bổng theo nhịp cơn sốt. Chung quanh mình chợt mờ ảo như khói sương. Thỉnh thoảng một vài giọt nước trên mái tranh đánh đập lên mặt tôi làm tôi hụt hẫng rơi xuống, rồi lại bay lên, vô thức ...và rồi bay rất xa, rất xa.

.....

Một cảm giác nóng bỏng ở hai lòng bàn chân, làm tôi dần dần tỉnh dậy.

Tôi đang nằm trần truồng trong bệnh xá.

Và bên cạnh, hai anh Trần Liên và Phạm Phước đã kéo tôi về từ cõi chết...

### **Tản mạn mùa Thu**

Anh Liên bây giờ cũng đã hơn chín mươi, anh Phước thì trạc vào tuổi tôi. Họ bây giờ ở đâu?

Đã năm mươi năm qua tôi chưa hề có dịp gặp lại hay biết đến.

Nhắc lại chuyện này cũng là một dịp để nhắc đến tên các anh với lòng cảm ơn. Những người cùng khổ, từng sống lây lất trong đáy địa ngục năm xưa.

Năm mươi năm vèo trôi qua, bao nỗi thăng trầm của đời người chợt thoáng như một giấc Nam Kha.

Bao nỗi buồn vui, cay đắng, thù hận, thương gét chợt trầm lắng thành dấu ấn, lưu lại những vết sẹo trong tâm hồn.

Khi mà những “giọt mưa Thu thánh thót rơi” ngoài hiên, lá vàng, lá đỏ rã rời buông xuôi theo gió lạnh. Khi mà bầu trời đổi màu u buồn xám xịt thì ký ức từ cõi xa xăm lại tìm về.

Cho tới bây giờ, tôi cũng không hiểu nổi những người lính phía bên kia, không hiểu tại sao họ lại thù ghét và hành hạ chúng tôi đến tàn nhẫn như vậy. Sự tàn khốc của chiến tranh có lẽ có giới hạn, nhưng sự tàn nhẫn của nhân loại thì vô cùng.

Suy cho cùng, không lẽ họ trút thù lên thân xác tôi chỉ vì bắt nguồn từ những tiếng “Cú kêu” giữa đêm sâu rừng vắng.

Nhưng đó lại là một mẩu chuyện khác đã vùi sâu trong ký ức.

---

Oregon, Mùa Thu 2025

Huỳnh Tiến